

Bản án số: 808/2023/HCPT
Ngày: 08/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Thảo;
Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;
Ông Hoàng Mạnh Hùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Lê Đỗ Quyên, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 08 tháng 11 năm 2023, tại điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H3 Phòng xét xử phúc thẩm, trực tuyến công khai, vụ án hành chính thụ lý số 482/2023/TLPT-HC ngày 22 tháng 6 năm 2023 do có kháng cáo của người khởi kiện, đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HC-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12224/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Ông Đỗ Xuân Đ; địa chỉ: Thôn TL, xã VP, huyện CH, thành phố Hải Phòng; có mặt tại điểm cầu thành phần.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Bùi Thị Nhàn và bà Lê Thị Thúy H - Luật sư Công ty Luật TNHH HNT - Law Group, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Bà H có đơn xin xử vắng mặt, bà Nhàn có mặt tại điểm cầu thành phần.

2. **Người bị kiện:**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thành phố Hải Phòng; địa chỉ trụ sở: Số 18 đường HD, phường MK, quận HB, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng: Ông Lê Anh Q - Phó Chủ tịch thường trực UBND thành phố đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền số 4204/QĐ-UBND ngày 12/12/2022); vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng: Ông Chu Thanh L - Phó Giám đốc Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố; ông Trần Đức H1, Trưởng phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và Theo dõi thi hành pháp luật - Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện CH, thành phố Hải Phòng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CH thành phố Hải Phòng; địa chỉ trụ sở: Số 1 đường HS, thị trấn CB, huyện CH, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện CH và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CH: Ông Hoàng Trung C1- Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân huyện đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền số 28/GUQ-UBND và số 28/GUQ-UBND ngày 23/12/2022); vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện CH và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CH: Ông Đỗ Mạnh H2- Trưởng phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện CH; ông Hoàng Đình M- Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện CH; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Vũ Thanh V, anh Đỗ Vinh Q và chị Vũ Thị Lê P; cùng địa chỉ: Thôn TL, xã VP, huyện CH, thành phố Hải Phòng; cùng vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày:

Gia đình ông Đỗ Xuân Đ đang quản lý, sử dụng 11.071,4 m² đất, gồm: 984,9 m² đất làm muối (LMU) nhận chuyển nhượng của ông Đỗ Văn H3 từ năm 1997, đây là diện tích đất được Hợp tác xã VP chia cho ông H3 để làm muối từ trước năm 1993, trong đó 726 m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là Giấy CNQSD đất) và 258,9 m² đất ô nê, bề chạt không được cấp Giấy CNQSD đất; 10.086,5m² đất nuôi trồng thủy sản (NTTS) do gia đình ông Đ2 tự khai hoang, trong đó có 8.567,7 m² đất trên địa bàn xã VP bị đưa vào ký hợp đồng thuê đất từ năm 1993-2016 và 1.518,8 m² đất trên địa bàn xã Nghĩa Lộ bị đưa vào ký hợp đồng thuê đất từ năm 1998 - 31/12/2014. Toàn bộ diện tích đất 11.071,4 m² gia đình ông Đ2 vẫn đang sử dụng liên tục cho đến khi bị thu hồi, không có tranh chấp.

Trong quá trình tiến hành thu hồi đất thực hiện Dự án Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast tại đảo CH, UBND huyện CH đã thu hồi 11.071,4 m² đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 1.628.340.640 đồng, nhưng ông Đ2 chỉ nhận được các quyết định sau:

+ Quyết định thu hồi đất số 977/QĐ-UBND để thu hồi 7.200,7 m² thuộc thửa đất số 143, tờ bản đồ số 18, Bản Trích lục địa chính số 196/2017-TL tỷ lệ 1/5000 (nay là tờ bản đồ số 06, thuộc Bản Trích lục địa chính số 487/2017-TL tỷ lệ 1/5000) xã VP, huyện CH.

+ Quyết định số 978/QĐ-UBND để thu hồi diện tích 984,9 m² thuộc thửa đất số 196, tờ bản đồ số 16, Bản Trích lục địa chính số 196/2017-TL tỷ lệ 1/5000 (nay là tờ bản đồ số 04, thuộc Bản Trích lục địa chính số 487/2017-TL tỷ lệ 1/5000) xã VP, huyện CH.

+ Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 1070/QĐ-UBND, bồi thường cho gia đình ông Đ2 3.706 m² đất nông nghiệp trong hạn mức và được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, còn lại 7.311,4 m² đất được xác định ngoài hạn mức chỉ được hỗ trợ 20% giá trị đất và không được hỗ trợ chuyển đổi nghề.

Quan điểm của ông Đ2 cho rằng: Theo khoản 2 Điều 77 và khoản 1 Điều 101 Luật Đất đai 2013 thì toàn bộ 11.071,4 m² đất nông nghiệp gia đình ông đang sử dụng trước năm 1913 đủ điều kiện cấp Giấy CNQSD đất và pH3 được bồi thường, hỗ trợ 100% về đất.

+ Việc thu hồi đất LMU mà không tính đến diện tích đất ô nê, bẻ chặt là chưa phù hợp với thực tế vì nông dân làm muối theo phương pháp thủ công pH3 có ô nê, bẻ chặt, nên toàn bộ diện tích 984,9 m² đất làm muối nói trên pH3 được bồi thường, hỗ trợ 100% giá trị khi thu hồi.

+ Đối với diện tích 10.086,5 m² đất NTTS là đất khai hoang trước năm 1993 nhưng UBND xã lại tự đưa vào thành đất công ích mà không tiến hành các thủ tục thu hồi đất, để từ đó buộc người dân ký hợp đồng thuê đất là trái pháp luật (hợp đồng vô hiệu). UBND huyện CH xác định quỹ đất 5% không đúng vì huyện CH không giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân tại thời điểm năm 1994 - 1995, theo Nghị định 64/NĐ-CP và Quyết định 03/QĐ-UB ngày 04/01/1994 của UBND thành phố H3 Phòng, nên không thể xác định được quỹ đất 5% (tương ứng với 5% tổng diện tích đất nông nghiệp của từng xã); ngày 21/6/2017, UBND thành phố Hải Phòng ban hành Công văn số 3571/UBND- ĐC3, hướng dẫn UBND huyện CH áp dụng hạn mức đối với hộ dân có đất bị thu hồi cho các Dự án trên địa bàn huyện CH là trái với quy định tại Điều 129 Luật Đất đai.

Gia đình ông Đ2 là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi diện tích đất 11.071,4 m² (dưới hạn mức 2 ha) thì pH3 được bồi thường, hỗ trợ toàn bộ, theo quy định tại khoản 2 Điều 77 và Điều 129 Luật Đất đai 2013; điểm c khoản 5 và khoản 6 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Do UBND huyện CH xác định nguồn gốc đất và áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất với gia đình ông Đ2 là trái quy định của pháp luật nên ông Đ2 đã khiếu nại. Tại Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện CH về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với hộ ông Đỗ Xuân Đ đều có nội dung bác khiếu nại của ông Đ2. Do quyền lợi hợp pháp của gia đình mình bị xâm phạm nên ông Đ2 khởi kiện đề nghị Tòa án:

+ Tuyên hủy Quyết định số 977/QĐ-UBND, Quyết định số 978/QĐ-UBND về việc thu hồi đất; Quyết định số 1070/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất; do UBND huyện CH ban hành ngày 21/8/2017 để thực hiện Dự án Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast tại đảo CH.

+ Tuyên hủy Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện CH về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng về việc giải quyết khiếu nại lần 2, đối với hộ ông Đỗ Xuân Đ.

+ Tuyên hủy Công văn số 3571/UBND-ĐC3 ngày 21/6/2017 của UBND thành phố Hải Phòng về việc xác định hạn mức giao đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện CH.

+ Buộc UBND huyện CH bồi thường 100% về đất, đồng thời hỗ trợ chuyển đổi nghề, tạo việc làm đối với toàn bộ diện tích đất NTTS bị thu hồi của gia đình ông Đ2.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên đối thoại, người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất cho 01 nhân khẩu chưa được xác định tại thời điểm thu hồi đất.

Người bị kiện là UBND huyện CH và Chủ tịch UBND huyện CH thống nhất với lời khai của người khởi kiện về nguồn gốc đất, vị trí và diện tích đất mà người khởi kiện đang sử dụng bị thu hồi, cùng số tiền bồi thường, hỗ trợ đã phê duyệt, đồng thời trình bày thêm:

Thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast tại đảo CH, UBND huyện CH đã ban hành các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình ông Đ2, gồm có: Ngày 21/8/2017 ban hành các Quyết định số 977/QĐ-UBND thu hồi 7.200,7 m² đất, Quyết định số 978/QĐ-UBND thu hồi diện tích 984,9 m² đất, Quyết định số 1064/QĐ-UBND thu hồi diện tích 1.518,8 m² đất và Quyết định số 1070/QĐ-UBND phê duyệt mức bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền 1.610.022.000 đồng; ngày 29/9/2019 ban hành Quyết định số 1423/QĐ-UBND thu hồi 1.367 m²

đất và Quyết định số 1426/QĐ-UBND phê duyệt mức bồi thường, hỗ trợ số tiền 18.318.000 đồng.

Về căn cứ xác định nguồn gốc đất và áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ:

- Diện tích 10.086,5 m² đất NTTS do gia đình ông Đỗ Xuân Đ tự khai hoang và sử dụng, gồm có: 2.210 m² đất UBND xã Nghĩa Lộ ký hợp đồng cho ông Đ2 thuê từ năm 1998, đo thực tế là 1.518,8m² đất (chênh lệch giảm 691,2 m² do sai số khi đo đạc); từ năm 2015 UBND xã Nghĩa Lộ đã thông báo thanh lý hợp đồng, nhưng ông Đ2 vẫn tiếp tục sử dụng NTTS; 8.567,7 m² đất được Ban quản lý đầm hồ xã VP tham mưu cho UBND xã ký hợp đồng cho ông Đ2 thuê, thời hạn 15 năm, nộp tiền một lần để huy động kinh phí kéo điện lưới quốc gia ra đảo CH, sau đó điều chỉnh giảm thời hạn thuê là 3 năm (theo Nghị quyết của HĐND xã VP về việc thanh lý các hợp đồng kinh tế 15 năm và ký hợp đồng thuê quỹ đất công ích để NTTS, thời hạn 03 năm); năm 2012 đến 2016 ký hợp đồng thuê quỹ đất công ích 01 năm/lần, trả tiền thuê hàng năm (ghi vào Sổ theo dõi quỹ đất công ích của UBND xã VP); năm 2013, UBND xã VP đã sử dụng số liệu diện tích theo hồ sơ địa chính do UBND huyện lập để ký hợp đồng cho ông Đ2 thuê đất là 6.700 m², chênh lệch so với thực tế 1.867,7 m² (phần đê bao, bờ đầm, không đưa vào ký hợp đồng và sai số khi đo đạc); năm 2017, UBND xã VP thông báo thanh lý hợp đồng thuê đầm, nhưng không thu hồi đất trên thực địa mà gia đình ông Đ2 vẫn sử dụng đến thời điểm thu hồi.

- Căn cứ để UBND huyện CH xác định toàn bộ diện tích 10.086,5 m² đất NTTS mà hộ gia đình ông Đ2 đang sử dụng là đất thuê từ quỹ đất công ích, trả tiền thuê đất hàng năm.

+ Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 64-CP và khoản 4 Điều 3 Quyết định số 03-QĐ/UB của UBND thành phố Hải Phòng, UBND cấp huyện xét giao đất nông nghiệp trên cơ sở đề nghị của UBND cấp xã. Tại thời điểm 1994-1995, UBND các xã, thị trấn khu vực đảo CH không lập phương án đề nghị giao đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân nên không hình thành quỹ đất công ích 5% trên địa bàn huyện (thời điểm đó đất LMU chưa được phân vào nhóm đất nông nghiệp). Năm 1992, UBND huyện CH thành lập Ban quản lý đầm hồ để quản lý các đầm nuôi trồng thủy sản do nhà nước đầu tư, cải tạo; một số đầm do các hộ gia đình, cá nhân tự đầu tư, cải tạo giao lại cho UBND các xã quản lý. Từ năm 1993, UBND xã VP đã thành lập Ban quản lý đầm hồ của xã, tiến hành lập hồ sơ quản lý và ký hợp đồng với các hộ gia đình, cá nhân thuê đất NTTS với thời hạn là 15 năm, thu tiền một lần để kéo điện hạ thế ra đảo, sau này điều chỉnh thành các hợp đồng cho thuê đất hàng năm dưới dạng quỹ đất công ích.

+ Hộ gia đình ông Đỗ Xuân Đ sử dụng đất NTTS đã được UBND xã quản lý trong Sổ theo dõi quỹ đất công ích trước ngày 01/7/2004, ký các hợp đồng cho

thuê liên tục trên 20 năm (đối với xã VP) và trên 15 năm (đối với xã Nghĩa Lộ), sau giảm thời hạn thành đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai năm 2013 và điểm b khoản 1 Điều 4 Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố Hải Phòng thì 10.086,5 m² đất NTTS nói trên không được bồi thường về đất, chỉ được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 20% giá đất cùng vị trí, không được hưởng chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, tạo việc làm.

+ Nhận thấy việc người dân đã tự bỏ vốn, công sức đầu tư, cải tạo đầm NTTS, nếu chỉ được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 20% giá đất cùng vị trí sẽ rất thiệt thòi, UBND huyện CH đã đề xuất UBND thành phố cho phép vận dụng khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 để bồi thường về đất cho các hộ gia đình, cá nhân. UBND thành phố Hải Phòng đã ban hành Công văn số 3571/UBND-ĐC3 ngày 21/6/2017 hướng dẫn, chỉ đạo UBND xã VP xác định hạn mức đất nông nghiệp bình quân đầu người trên địa bàn xã theo công thức: { Tổng diện tích đất nông nghiệp năm 2017 – (trừ) quỹ đất 5% } : (chia) số nhân khẩu sản xuất nông nghiệp tại thời điểm 1995 = 940 m²/khẩu.

+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP; điểm d khoản 1 khoản 2 Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT; khoản 1 Điều 21 Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố; UBND huyện CH phê duyệt hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại, đối với toàn bộ diện tích được xác định trong hạn mức (theo phương pháp tính ở phần trên) cho các nhân khẩu đủ điều kiện trực tiếp sản xuất nông nghiệp (không bao gồm diện tích đất nhận chuyển quyền, đã bồi thường ngoài hạn mức). Theo đó, hộ gia đình ông Đỗ Xuân Đ có 04 nhân khẩu x 940 m² = 3.760 m² được bồi thường 100% về đất và hỗ trợ chuyển đổi nghề, tạo việc làm; diện tích còn lại, ngoài hạn mức, được bồi thường bằng 20% giá đất sản xuất nông nghiệp ở cùng vị trí.

- Diện tích 984,9 m² đất LMU nhận chuyển nhượng từ ông Đỗ Văn H3, chưa hoàn thành thủ tục chuyển quyền theo quy định, nhưng vẫn được UBND huyện CH vận dụng Điều 4, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP để tính toán bồi thường 100% giá đất cùng vị trí, nhưng không được hỗ trợ chuyển đổi nghề, tạo việc làm.

Như vậy, UBND huyện CH đã bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất nông nghiệp của ông Đỗ Xuân Đ phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của gia đình ông Đ2; Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện CH về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với hộ ông Đ2 là có căn cứ, đúng pháp luật. Người bị kiện đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của người khởi kiện.

Chủ tịch UBND thành phố H3 Phòng thống nhất với ý kiến của UBND huyện CH và Chủ tịch UBND huyện CH xác định nội dung Quyết định số

2236/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với hộ ông Đỗ Xuân Đ là đúng quy định của pháp luật; đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thanh V, anh Đỗ Vinh Q và chị Vũ Thị Lê P có ý kiến cho rằng đất là của ông Đỗ Xuân Đ và không liên quan đến quyền lợi họ.

Bản án Hành chính sơ thẩm số 12/2023/HC-ST ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; điểm c khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; các Điều 66, 69, 75, 76, 77, 82, 83 và 84 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; các Điều 18, 21, 27, 40 Luật Khiếu nại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Xuân Đ về việc hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất cho 01 nhân khẩu chưa được xác định tại thời điểm thu hồi đất.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Xuân Đ về việc:

- Tuyên hủy Quyết định số 977/QĐ-UBND và Quyết định số 978/QĐ-UBND về việc thu hồi đất; Quyết định số 1070/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất; do UBND huyện CH ban hành ngày 21/8/2017 để thực hiện Dự án Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast tại đảo CH.

- Tuyên hủy Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện CH về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng, về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với hộ ông Đỗ Xuân Đ.

- Tuyên hủy Công văn số 3571/UBND-ĐC3 ngày 21/6/2017 của UBND thành phố Hải Phòng, về việc xác định hạn mức giao đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện CH.

- Buộc UBND huyện CH bồi thường 100% về đất, đồng thời hỗ trợ chuyên đổi nghề, tạo việc làm đối với toàn bộ diện tích đất NTTS bị thu hồi của gia đình ông Đ2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 07/4/2023, người khởi kiện có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng UBND huyện CH ban hành Quyết định thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích là trái thẩm quyền; Bản án sơ thẩm nhận định có nhiều mâu thuẫn, áp dụng pháp luật tùy tiện, không có căn cứ dẫn đến quyết định của bản án sơ thẩm không chính xác. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đủ theo các quy định của Luật Tố tụng Hành chính, các đương sự đã được tham gia hỏi, tranh tụng, trình bày quan điểm của mình.

+ Về nội dung vụ án: UBND huyện CH tiến hành thu hồi 11.071,4 m² đất nông nghiệp của gia đình người khởi kiện đang quản lý sử dụng là đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Đồng thời phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đảm bảo quyền lợi của gia đình người khởi kiện. Trình tự, thủ tục và nội dung các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện CH và Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng là có căn cứ, đúng pháp luật. Bản án sơ thẩm nhận định công văn 3571/UBND-ĐC3 ngày 21/6/2017 của UBND thành phố H3 Phòng không PH3 là đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính là đúng. Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thấy như sau:

** Về tố tụng:*

[1] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính là các quyết định: Quyết định số 977/QĐ-UBND, Quyết định số 978/QĐ-UBND về việc thu hồi đất; Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của gia đình ông Đ2 để thực hiện Dự án Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast tại đảo CH; Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện CH và Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của Chủ tịch UBND thành phố H3 Phòng về việc giải quyết khiếu nại đối với hộ ông Đỗ Xuân Đ. Đây là các quyết định hành chính do cơ quan hành chính nhà nước và người đứng đầu cơ quan hành chính

nhà nước có thẩm quyền ban hành, thực hiện hoặc không thực hiện trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Đỗ Xuân Đ và đều là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 25/5/2022, ông Đỗ Xuân Đ nộp đơn khởi kiện là trong thời hạn một năm, còn thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân thành phố H3 Phòng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Kháng cáo của Người khởi kiện hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã gửi văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nên căn cứ khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện theo thủ tục chung.

* Về nội dung:

[4] Xét nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của gia đình ông Đỗ Xuân Đ:

Phần diện tích 10.086,5 m² đất NTTS do gia đình ông Đỗ Xuân Đ tự khai hoang và sử dụng, gồm có: 2.210 m² đất UBND xã Nghĩa Lộ ký hợp đồng cho ông Đ2 thuê từ năm 1998, đo thực tế là 1.518,8m² đất (chênh lệch giảm 691,2 m² do sai số khi đo đạc); từ năm 2015 UBND xã Nghĩa Lộ đã thông báo thanh lý hợp đồng, nhưng ông Đ2 vẫn tiếp tục sử dụng NTTS; 8.567,7 m² đất được Ban quản lý đầm hồ xã VP tham mưu cho UBND xã ký hợp đồng cho ông Đ2 thuê, thời hạn 15 năm, nộp tiền một lần để huy động kinh phí kéo điện lưới quốc gia ra đảo CH, sau đó điều chỉnh giảm thời hạn thuê là 3 năm (theo Nghị quyết của HĐND xã VP về việc thanh lý các hợp đồng kinh tế 15 năm và ký hợp đồng thuê quỹ đất công ích để NTTS, thời hạn 03 năm); năm 2012 đến 2016 ký hợp đồng thuê quỹ đất công ích 01 năm/lần, trả tiền thuê H năm (ghi vào Sổ theo dõi quỹ đất công ích của UBND xã VP); năm 2013, UBND xã VP đã sử dụng số liệu diện tích theo hồ sơ địa chính do UBND huyện lập để ký hợp đồng cho ông Đ2 thuê đất là 6.700 m², chênh lệch so với thực tế 1.867,7 m² (phần đê bao, bờ đầm, không đưa vào ký hợp đồng và sai số khi đo đạc); năm 2017, UBND xã VP thông báo thanh lý hợp đồng thuê đầm, nhưng không thu hồi đất trên thực địa mà gia đình ông Đ2 vẫn sử dụng đến thời điểm thu hồi. Phần diện tích 984,9 m² đất LMU ông Đ2 nhận

chuyển nhượng của ông Đỗ Văn H3 từ năm 1997, trong đó có 726 m² đã được cấp Giấy CNQSD đất và 258,9 m² đất ô nê, bề chặt.

[5] Quá trình giải quyết bồi thường thu hồi đất của UBND huyện CH:

[5.1] Đối với phần diện tích 10.086,5m² đất NTTS: Tại thời điểm 1994-1995, UBND các xã, thị trấn khu vực đảo CH không lập phương án đề nghị giao đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân nên không hình thành quỹ đất công ích 5% trên địa bàn huyện (thời điểm đó đất LMU chưa được phân vào nhóm đất nông nghiệp). Hộ gia đình ông Đỗ Xuân Đ sử dụng đất NTTS đã được UBND xã quản lý trong Sổ theo dõi quỹ đất công ích trước ngày 01/7/2004, ký các hợp đồng cho thuê liên tục trên 20 năm (đối với xã VP) và trên 15 năm (đối với xã Nghĩa Lộ), sau giảm thời hạn thành đất thuê trả tiền thuê đất H năm. Do đó, UBND huyện CH xác định phần diện tích đất này là đất thuê từ quỹ đất công ích, trả tiền thuê đất hàng năm là đúng. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai năm 2013 và điểm b khoản 1 Điều 4 Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố H3 Phòng thì 10.086,5 m² đất NTTS nói trên không được bồi thường về đất, chỉ được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 20% giá đất cùng vị trí, không được hưởng chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, tạo việc làm. Tuy nhiên, do các hộ dân đã tự bỏ vốn đầu tư, công sức để cải tạo đất và đưa vào sử dụng nên để hỗ trợ thêm cho các hộ dân, UBND huyện CH đã đề xuất UBND thành phố cho phép vận dụng khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 để bồi thường về đất cho các hộ gia đình, cá nhân. Sau khi có Công văn số 3571/UBND-ĐC3 ngày 21/6/2017 của UBND thành phố H3 Phòng hướng dẫn, chỉ đạo UBND xã VP xác định hạn mức đất nông nghiệp bình quân đầu người trên địa bàn xã, UBND huyện CH đã căn cứ điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP; điểm d khoản 1 khoản 2 Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT; khoản 1 Điều 21 Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố để phê duyệt hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại, đối với toàn bộ diện tích được xác định trong hạn mức cho các nhân khẩu đủ điều kiện trực tiếp sản xuất nông nghiệp (không bao gồm diện tích đất nhận chuyển quyền, đã bồi thường ngoài hạn mức). Theo đó, hộ gia đình ông Đỗ Xuân Đ có 04 nhân khẩu x 940 m² = 3.760 m² được bồi thường 100% về đất và hỗ trợ chuyển đổi nghề, tạo việc làm; diện tích còn lại, ngoài hạn mức, được bồi thường bằng 20% giá đất sản xuất nông nghiệp ở cùng vị trí. Việc bồi thường, hỗ trợ như vậy là phù hợp với pháp luật, đảm bảo quyền lợi của ông Đ2.

[5.2] Đối với phần diện tích 984,9 m² đất LMU nhận chuyển nhượng từ ông Đỗ Văn H3, chưa hoàn thành thủ tục chuyển quyền theo quy định: UBND huyện CH đã vận dụng Điều 4, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP để tính toán bồi thường 100% giá đất cùng vị trí, nhưng không được hỗ trợ chuyển đổi nghề, tạo việc làm là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5.3] Như vậy, UBND huyện CH đã bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất nông nghiệp của ông Đỗ Xuân Đ phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của gia đình ông Đ2.

[6] Về thẩm quyền, trình tự ban hành các quyết định:

[6.1] Đối với các quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ: Để thực hiện việc thu hồi đất, UBND huyện CH đã ban hành kế hoạch về thu hồi đất, tiến hành các thủ tục thông báo thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm kê tài sản, thực hiện lấy ý kiến và niêm yết công khai tại địa phương. Sau khi thực hiện các bước, trình tự theo quy định, UBND huyện CH đã ban hành các quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất đúng quy định tại Điều 66, Điều 67 và Điều 69 Luật Đất đai 2013; phù hợp với Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố H3 Phòng uỷ quyền thường xuyên cho UBND cấp huyện ban hành quyết định thu hồi đất công ích.

[6.2] Đối với các quyết định giải quyết khiếu nại: Do không đồng ý với nội dung quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất, ông Đ2 có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện CH. Sau khi nhận đơn khiếu nại của ông Đ2, Chủ tịch UBND huyện CH đã tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, tiến hành tổ chức đối thoại với người khiếu nại. Căn cứ vào kết quả xác minh, Chủ tịch UBND huyện CH đã ban hành Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu theo đó không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Đ2. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện CH, ông Đ2 tiếp tục có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thành phố H3 Phòng. Sau khi thụ lý đơn khiếu nại lần hai của ông Đ2, Chủ tịch UBND thành phố H3 Phòng đã quyết định giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại, quyết định xác minh nội dung khiếu nại, tiến hành đối thoại với người khiếu nại. Căn cứ vào Báo cáo của Tổ công tác liên ngành, Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần hai theo đó vẫn giữ nguyên Quyết định số 3067/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện CH. Như vậy, việc ban hành các Quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 21, từ Điều 36 đến Điều 41 Luật Khiếu nại và Điều 204 Luật đất đai 2013. Về nội dung của các quyết định giải quyết khiếu nại: Như đã phân tích ở trên, việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Đ2 đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi cho gia đình ông nên Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng đã không chấp nhận nội dung khiếu nại của người khiếu nại là có căn cứ.

[7] Đối với yêu cầu khởi kiện huỷ Công văn số 3571/UBND-ĐC3 ngày 21/6/2017 của UBND thành phố H3 Phòng, về việc xác định hạn mức giao đất

nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện CH: Tại phần nhận định của Bản án sơ thẩm đã xác định Công văn số 3571/UBND-ĐC3 là văn bản hướng dẫn của cơ quan hành chính cấp trên đối với cơ quan hành chính cấp dưới; có nội dung hướng dẫn xác định hạn mức giao đất nông nghiệp được áp dụng nhiều lần cho tất cả các hộ dân sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện CH, nên không pH3 đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Tuy nhiên, tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm vẫn tuyên bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Xuân Đ về yêu cầu tuyên hủy công văn này là không chính xác. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải tuyên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của người khởi kiện do không phải là đối tượng khởi kiện mới đúng. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[8] Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng trình tự, quy định của pháp luật; đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Ông Đỗ Xuân Đ kháng cáo nhưng không có thêm tình tiết gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[9] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đỗ Xuân Đ pH3 chịu án phí hành chính phúc thẩm theo luật định.

[10] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Đỗ Xuân Đ; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HC-ST ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

2. Về án phí: Ông Đỗ Xuân Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0006577 ngày 19/4/2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- Cục THADS TP. Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Thảo

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm

Hoàng Mạnh Hùng

Trần Xuân Thảo